

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng Không (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần In Hàng Không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty In Hàng Không thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108014 (chuyển đổi từ số 0103009389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005) và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Thiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Linh	Thành viên
Ông Trần Thế Anh	Thành viên
Ông Ngô Xuân Giảng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quang Thiệp	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Nhân	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



## Công ty Cổ phần In Hàng Không

Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

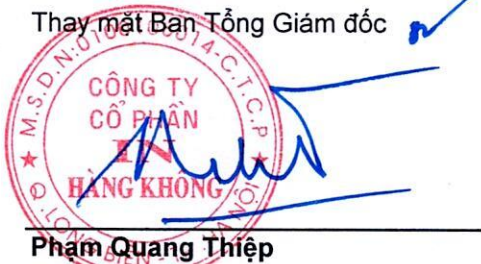
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Quang Thiệp**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Hàng Không được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Hàng Không tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



**Trần Thị Thùy Trang**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 5285-2020-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>45.114.366.274</b>	<b>43.953.614.532</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>20.242.474.589</b>	<b>11.773.632.029</b>
111	1. Tiền	3	20.242.474.589	11.773.632.029
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.045.297.423</b>	<b>17.410.735.626</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	11.495.337.041	17.893.515.350
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.064.786.968	63.011.715
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	213.590.664	182.625.811
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(728.417.250)	(728.417.250)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>12.042.811.755</b>	<b>14.351.753.582</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	12.042.811.755	14.351.753.582
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>783.782.507</b>	<b>417.493.295</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	26.750.000
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	783.782.507	390.743.295
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.620.739.092</b>	<b>3.911.843.198</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.620.739.092</b>	<b>3.604.658.895</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.620.739.092	3.604.658.895
222	- Nguyên giá		76.116.592.300	76.116.592.300
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(73.495.853.208)	(72.511.933.405)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		150.000.000	150.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.000.000)	(150.000.000)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>307.184.303</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	307.184.303
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>47.735.105.366</b>	<b>47.865.457.730</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.686.449.164</b>	<b>22.396.274.437</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17.686.449.164</b>	<b>22.396.274.437</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	11.360.646.711	17.481.210.850
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	367.075.878	353.315.805
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	524.602.974	688.659.454
314	4. Phải trả người lao động		4.293.185.400	2.570.086.204
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	164.330.462	392.483.330
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	952.319.953	846.211.008
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		24.287.786	64.307.786
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>30.048.656.202</b>	<b>25.469.183.293</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>30.048.656.202</b>	<b>25.469.183.293</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		21.419.280.000	21.419.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		21.419.280.000	21.419.280.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.413.437.488	2.413.437.488
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		520.378.354	520.378.354
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.695.560.360	1.116.087.451
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.116.087.451	(2.564.817.145)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.579.472.909	3.680.904.596
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>47.735.105.366</b>	<b>47.865.457.730</b>

Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu

Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng



Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	154.860.200.246	147.999.756.967
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	1.159.599.645	469.359.538
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		153.700.600.601	147.530.397.429
11	4. Giá vốn hàng bán	19	131.979.739.072	129.661.331.842
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.720.861.529	17.869.065.587
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	24.182.249	68.157.170
22	7. Chi phí tài chính	21	-	49.567.717
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	49.567.717
25	8. Chi phí bán hàng	22	3.577.105.540	3.000.711.579
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	13.254.530.920	11.447.283.857
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.913.407.318	3.439.659.604
31	11. Thu nhập khác	24	621.432.561	274.561.550
32	12. Chi phí khác		15.006.930	8.844.281
40	13. Lợi nhuận khác		606.425.631	265.717.269
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.519.832.949	3.705.376.873
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	940.360.040	24.472.277
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.579.472.909	3.680.904.596
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.138	1.719

Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu

Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng



Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2023*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Hàng Không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty In Hàng Không thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108014 (chuyển đổi từ số 0103009389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005) và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 21.419.280.000 VND, tương đương 2.141.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 126 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 133 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực in ấn.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán sơ chế, gia công, đóng gói các mặt hàng muối, đường, hạt tiêu và các mặt hàng thực phẩm;
- Dịch vụ sửa chữa thiết bị ngành in;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng nhựa;
- Sản xuất kinh doanh các mặt hàng giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- Sản xuất, in bao bì các loại;
- In vé máy bay, vé cầu đường, hóa đơn tài chính, lệ phí sân bay, bến bãi, nhãn hàng hóa, bao bì, sách và các ấn phẩm văn hóa khác.

#### **Cấu trúc Công ty**

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh phía Nam Công ty CP In Hàng Không	Số 532, Lê Minh Nhựt, tổ 6, ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	In ấn

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính



Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp kế toán Hàng tồn kho: Nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, sản phẩm dở dang và thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính. Thành phẩm tồn kho cuối năm được xác định theo định mức nguyên vật liệu chính, đơn giá chi phí nhân công theo từng sản phẩm và chi phí sản xuất chung phân bổ cho doanh thu thực hiện trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

## **2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

### **2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê kho...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### **2.16 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## **2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### **b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.21 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## **2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:



- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### 3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	764.444.269	1.252.114.816
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.478.030.320	10.521.517.213
	<b>20.242.474.589</b>	<b>11.773.632.029</b>

### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Trung tâm Khai thác Nội Bài	1.489.171.602	3.401.259.438
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất	1.094.184.720	1.879.860.463
- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	2.416.100.400	4.367.557.800
- Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	10.800.000	10.800.000
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	609.973.200	440.384.040
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Ban Đầu tư mua sắm	3.272.400	261.505.243
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Ban Truyền thông	-	1.579.894.200
- Các khách hàng khác	5.871.834.719	5.952.254.166
	<b>11.495.337.041</b>	<b>17.893.515.350</b>



**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tạm ứng	32.200.000	29.525.000
- Bảo hiểm xã hội	82.315.554	80.595.554
- Bảo hiểm y tế	1.239.225	1.410.780
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.170.710	8.070.080
- Phải thu khác	89.665.175	63.024.397
	<b>213.590.664</b>	<b>182.625.811</b>

**6 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	728.417.250	-	728.417.250	-
	<b>728.417.250</b>	<b>-</b>	<b>728.417.250</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	7.207.380.432	9.690.582.512
- Công cụ, dụng cụ	90.727.306	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	226.731.019	164.894.847
- Thành phẩm	3.811.641.644	3.813.119.165
- Hàng hóa	706.331.354	683.157.058
	<b>12.042.811.755</b>	<b>14.351.753.582</b>

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 01.

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản vô hình là Phần mềm quản lý với Nguyên giá và Giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 150.000.000 VND, tài sản đã hết khấu hao.

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>198.763.200</b>	<b>198.763.200</b>	<b>227.816.041</b>	<b>227.816.041</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	-	-	31.364.041	31.364.041
- Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	198.763.200	198.763.200	196.452.000	196.452.000
<b>Bên khác</b>	<b>11.161.883.511</b>	<b>11.161.883.511</b>	<b>17.253.394.809</b>	<b>17.253.394.809</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Aroma	1.556.684.843	1.556.684.843	770.310.000	770.310.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vũ Hoàng Minh	5.084.507.966	5.084.507.966	8.980.953.669	8.980.953.669
- Công ty TNHH Công nghiệp giấy và Sản xuất bao bì Ngọc Diệp	-	-	184.204.927	184.204.927
- Công ty Cổ phần Công nghiệp giấy Ngọc Việt	88.342.394	88.342.394	1.147.516.129	1.147.516.129
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất F và F	279.048.000	279.048.000	100.925.000	100.925.000
- Các đối tượng khác	4.153.300.308	4.153.300.308	6.069.485.084	6.069.485.084
	<b>11.360.646.711</b>	<b>11.360.646.711</b>	<b>17.481.210.850</b>	<b>17.481.210.850</b>

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
- Hộ kinh doanh Hải Anh	-	112.496.904
- Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	160.353.086	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lê Hải Phong	22.975.603	22.975.603
- Các đối tượng khác	183.747.189	217.843.298
	<b>367.075.878</b>	<b>353.315.805</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 02.



**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Trích trước tiền ăn ca tháng 12	77.663.800	96.250.000
- Chi phí thuê kho, xưởng	86.666.662	293.333.330
- Các khoản phải trả khác	-	2.900.000
	<b>164.330.462</b>	<b>392.483.330</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	410.568.400	309.311.200
- Bảo hiểm xã hội	3.262.140	2.347.180
- Bảo hiểm y tế	2.622.019	3.102.169
- Quỹ hoạt động xã hội	80.591.419	27.067.252
- Phải trả về cổ tức	170.167.435	282.458.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	285.108.540	221.924.572
	<b>952.319.953</b>	<b>846.211.008</b>

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 03.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Phạm Quang Thiệp	2.843.380.000	13,27	2.843.380.000	13,27
- Ông Lê Xuân Thành	1.359.650.000	6,35	1.359.650.000	6,35
- Bà Lý Thị Phương	2.424.000.000	11,32	2.424.000.000	11,32
- Ông Ngô Xuân Giảng	1.096.030.000	5,12	1.096.030.000	5,12
- Ông Nguyễn Văn Chính	1.091.010.000	5,09	-	-
- Các cổ đông khác	12.605.210.000	58,85	13.696.220.000	63,94
	<b>21.419.280.000</b>	<b>100,00</b>	<b>21.419.280.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	21.419.280.000	21.419.280.000
- Vốn góp cuối năm	21.419.280.000	21.419.280.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.458.635	345.093.835
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	112.291.200	62.635.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	112.291.200	62.635.200
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>170.167.435</b>	<b>282.458.635</b>

**15 .VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.141.928	2.141.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.141.928	2.141.928
- Cổ phiếu phổ thông	2.141.928	2.141.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.141.928	2.141.928
- Cổ phiếu phổ thông	2.141.928	2.141.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của công ty**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.413.437.488	2.413.437.488
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	520.378.354	520.378.354
	<b>2.933.815.842</b>	<b>2.933.815.842</b>

**16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty thuê đất để làm văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Thuê đất tại ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 88/HĐTĐ ngày 12/02/2014 với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Tổng diện tích đất thuê là 5.103,6 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất là 50 năm đối với phần diện tích 4.427 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất hàng năm đối với phần diện tích 676,6 m<sup>2</sup> (Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã thu hồi 421 m<sup>2</sup> trên tổng diện tích 676,6 m<sup>2</sup> để thực hiện dự án "Xây dựng tuyến đường từ ngõ 200 Nguyễn Sơn đến trung tâm quản lý bay, phường Bồ Đề theo Quyết định số 5136/QĐ/UBND ngày 19/07/2016). Công ty nộp tiền thuê đất hàng năm theo các thông báo nộp tiền thuê đất.

- Thuê đất tại số 200/14 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) theo hợp đồng thuê đất số 725/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 08/12/2017 và phụ lục hợp đồng số 125/PLHĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 12/03/2018. Theo đó tổng diện tích đất cho thuê là 870,6 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 50 năm. Công ty nộp tiền thuê đất hàng năm theo các thông báo nộp tiền thuê đất.

- Công ty thuê tài sản văn phòng nhà xưởng tại số 532 Lê Minh Nhật, tổ 6, ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với Bà Nguyễn Thị Lê Anh theo hợp đồng thuê hoạt động ngày 01/08/2017. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	780.000.000	480.000.000

**Ngoại tệ các loại**

	Ký hiệu	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ	USD	441,24	467,64



**16 .CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý là các khoản công nợ phải thu khách hàng có nguyên nhân chung là không có khả năng thu hồi. Việc xử lý được thực hiện theo các quyết định của Hội đồng quản trị về việc xóa sổ các khoản nợ không thu hồi được của Công ty Cổ phần In Hàng Không.

Đối tượng	Số tiền VND	Thời gian xử lý
- Công ty Cổ phần Truyền thông An Lạc	11.200.000	12/12/2019
- Công ty TNHH Quảng cáo Ánh sáng Mặt Trời	12.095.000	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Bãi Bằng	63.636.629	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội	10.000.000	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Thương mại Cường Thịnh	14.214.336	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đảo Sen	16.490.000	12/12/2019
- Công ty Cổ phần In Anh Việt	25.093.476	12/12/2019
- Công ty TNHH In Hà Việt	49.327.176	12/12/2019
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	140.081.136	12/12/2019
- Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại Minh Tuấn	21.600.000	12/12/2019
- Khách hàng vắng lai khẩn thơm	1.558.612	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	571.962.233	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hòa Bình	254.978.447	12/12/2019
- Công ty TNHH Hoài Nam	11.700.000	12/12/2019
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.357.500	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Đầu tư THD	72.510.000	12/12/2019
- Công ty TNHH Tube Seven	80.778.000	12/12/2019
- Công ty TNHH Phương Anh	32.400.000	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Dòng Sông Xanh	29.679.996	12/12/2019
- Tạp chí Bầu trời Rộng Mở	1.079.830.559	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Hàng không Mekong	27.882.250	12/12/2019
- Công ty Cổ phần Bao bì Thanh Hóa	16.486.250	12/12/2020
- Chi nhánh miền Trung - Công ty Cổ phần In Hàng không	38.194.000	12/12/2020
- Quận Trung Hiếu	67.958.616	12/12/2020
- Công ty TNHH In Thương mại Dịch vụ Lam Sơn	48.505.850	12/12/2020
- Công ty TNHH In và Thương mại Thiên Việt	13.969.950	12/12/2020
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tuấn Phát	46.856.000	12/12/2020
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực phía Nam	34.292.600	12/12/2020
- Công ty TNHH Quảng cáo ADPUB	23.650.000	12/12/2020
- Hệ Quốc phòng - Học Viện Quốc phòng	68.121.000	12/12/2020
- Công ty TNHH Quảng cáo và In ấn Dương Gia	20.282.080	12/12/2020
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Tiến	60.362.480	12/12/2020
- Công ty Cổ phần In Hàng không - Ban Tài chính - Kế toán	1.416.199	12/12/2020
- Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	2.530.004	12/12/2020
- Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Cửu Long	5.993.054	12/12/2020
	<b><u>2.985.993.433</u></b>	

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.860.200.246	147.999.756.967
	<b>154.860.200.246</b>	<b>147.999.756.967</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)</i>	<b>128.369.785</b>	<b>128.642.836</b>

**18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.159.599.645	469.359.538
	<b>1.159.599.645</b>	<b>469.359.538</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	131.979.739.072	129.661.331.842
	<b>131.979.739.072</b>	<b>129.661.331.842</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	23.512.033	68.157.170
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	670.216	-
	<b>24.182.249</b>	<b>68.157.170</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	49.567.717
	<b>-</b>	<b>49.567.717</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	518.775.662	195.085.567
Chi phí nhân công	537.142.842	482.950.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.622.896	252.282.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.256.300.053	2.024.005.592
Chi phí khác bằng tiền	57.264.087	46.388.304
	<b>3.577.105.540</b>	<b>3.000.711.579</b>



**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.033.516	277.876.199
Chi phí nhân công	7.972.314.473	6.177.794.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.847.984	14.847.984
Thuế, phí và lệ phí	1.673.470.651	1.891.885.952
Chi phí dự phòng	-	12.099.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.016.102	383.100.037
Chi phí khác bằng tiền	2.551.848.194	2.689.679.659
	<b>13.254.530.920</b>	<b>11.447.283.857</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	152.777.778
Bán phế liệu	83.653.247	121.457.544
Thu nhập khác	537.779.314	326.228
	<b>621.432.561</b>	<b>274.561.550</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.519.832.949	3.705.376.873
Các khoản điều chỉnh tăng	60.000.000	68.844.281
- Chi phí không được trừ	-	8.844.281
- Thủ lao HĐQT, BKS không tham gia trực tiếp điều hành	60.000.000	60.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(878.032.751)	(3.774.221.154)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(670.216)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền, khoản phải thu của năm trước năm nay đã thực hiện	-	(452.840)
- Chuyển lãi vay liên kết theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	(195.793.605)
- Chênh lệch tạm thời phân bổ chi phí trả trước	-	(98.966.667)
- Chuyển lỗ	(877.362.535)	(3.479.008.042)
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>4.701.800.198</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>940.360.040</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	24.472.277
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(207.721.182)	(232.193.459)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(686.529.029)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>46.109.829</b>	<b>(207.721.182)</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.579.472.909	3.680.904.596
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.579.472.909	3.680.904.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.141.928	2.141.928
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.138</b>	<b>1.719</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.800.182.799	103.688.937.999
Chi phí nhân công	23.672.269.013	19.043.757.092
Chi phí khấu hao TSCĐ	983.919.803	2.778.807.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.775.794.186	6.132.010.349
Chi phí khác bằng tiền	3.289.676.703	6.061.769.720
	<b>144.521.842.504</b>	<b>137.705.282.659</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**28 .CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	
Tiền	19.478.030.320
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.980.510.455
	<b><u>30.458.540.775</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	
Tiền	11.773.632.029
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.347.723.911
	<b><u>29.121.355.940</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	12.312.966.664	-	12.312.966.664
Chi phí phải trả	164.330.462	-	164.330.462
	<b><u>12.477.297.126</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>12.477.297.126</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	18.327.421.858	-	18.327.421.858
Chi phí phải trả	392.483.330	-	392.483.330
	<b><u>18.719.905.188</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>18.719.905.188</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm ngành in, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý:**

Xem chi tiết Phụ lục 04.

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	Cổ đông
Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	Thành viên HĐQT là chủ sở hữu vốn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>128.369.785</b>	<b>128.642.836</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	128.369.785	128.642.836
<b>Mua hàng</b>	<b>1.552.581.785</b>	<b>1.562.196.284</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	549.001.785	472.850.684
- Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	1.003.580.000	1.089.345.600

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

*Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát*

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Lê Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	341.057.544	236.136.024
- Ông Phạm Quang Thiệp	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	427.537.717	296.482.818
- Ông Ngô Xuân Giảng	Thành viên HĐQT	367.882.015	252.561.024
- Ông Trần Thế Anh	Thành viên HĐQT	24.000.000	200.438.740
- Ông Nguyễn Thái Linh	Thành viên HĐQT	40.300.000	46.783.231
- Bà Phạm Thị Thanh Nhân	Trưởng BKS	263.096.831	173.918.645
- Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên BKS	34.300.000	18.000.000
- Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	34.300.000	18.000.000
		<b>1.532.474.107</b>	<b>1.242.320.482</b>

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.



**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

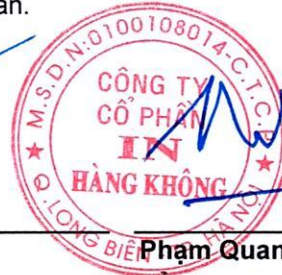
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Thoan**  
Người lập biểu



**Ngô Xuân Giảng**  
Kế toán trưởng



**Phạm Quang Thiệp**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Công ty Cổ phần In Hàng Không**  
Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.584.002.145	66.029.865.557	2.342.769.169	159.955.429	76.116.592.300
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.584.002.145</b>	<b>66.029.865.557</b>	<b>2.342.769.169</b>	<b>159.955.429</b>	<b>76.116.592.300</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.502.915.565	65.007.235.466	841.826.945	159.955.429	72.511.933.405
Số tăng trong năm	148.397.592	627.899.315	207.622.896	-	983.919.803
- <i>Khấu hao trong năm</i>	148.397.592	627.899.315	207.622.896	-	983.919.803
Phân loại lại	(64.260.849)	(969.696.807)	1.033.957.656	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.587.052.308</b>	<b>64.665.437.974</b>	<b>2.083.407.497</b>	<b>159.955.429</b>	<b>73.495.853.208</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.081.086.580	1.022.630.091	1.500.942.224	-	3.604.658.895
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>996.949.837</b>	<b>1.364.427.583</b>	<b>259.361.672</b>	<b>-</b>	<b>2.620.739.092</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 68.684.632.716 VND.



**Báo cáo tài chính**

**Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	686.408.616	3.141.617.666	3.351.783.975	-	476.242.307
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	1.623.812.841	1.623.812.841	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	207.721.182	-	940.360.040	686.529.029	-	46.109.829
- Thuế Thu nhập cá nhân	181.022.113	-	45.937.259	11.086.883	146.171.737	-
- Thuế Nhà đất và tiền thuế đất	-	-	946.299.392	1.581.910.162	635.610.770	-
- Thuế Nhà đất và tiền thuế đất	-	2.250.838	-	-	-	2.250.838
- Các loại thuế khác	2.000.000	-	5.000.000	5.000.000	2.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						
	<b>390.743.295</b>	<b>688.659.454</b>	<b>6.703.027.198</b>	<b>7.260.122.890</b>	<b>783.782.507</b>	<b>524.602.974</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần In Hàng Không**  
Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**PHỤ LỤC 03 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	21.419.280.000	2.413.437.488	520.378.354	(2.564.817.145)	21.788.278.697
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.680.904.596	3.680.904.596
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<u>21.419.280.000</u>	<u>2.413.437.488</u>	<u>520.378.354</u>	<u>1.116.087.451</u>	<u>25.469.183.293</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.579.472.909	4.579.472.909
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<u>21.419.280.000</u>	<u>2.413.437.488</u>	<u>520.378.354</u>	<u>5.695.560.360</u>	<u>30.048.656.202</u>



**Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Số 16, phố Hoàng Minh Đạo, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục 04 : BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực địa lý**

	Hà Nội VND	Hồ Chí Minh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	119.804.472.652	33.896.127.949	153.700.600.601
Tài sản bộ phận	44.926.409.886	2.808.702.341	47.735.112.227
Tổng chi phí mua tài sản	-	-	-

